

Số: 166/QĐ-TTHPT

Cần Đước, ngày 6 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân HKI năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CẦN ĐƯỚC

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng quy định tại Điều 11 - Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp bậc;

Căn Nghị quyết 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ công văn 5125/UBND-VHXXH ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về thực hiện chính sách học phí; miễn giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 1117/SGDĐT-KHTC ngày 04/9/2025 về việc hướng dẫn các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ công văn số 1843/SGDĐT-KHTC ngày 06/10/2025 về thực hiện chính sách học phí; miễn giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ số học sinh của trường THPT Cần Đước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện hỗ trợ học phí HKI năm học 2025-2026 cho học sinh toàn trường.
(Danh sách đính kèm).

Điều 2. Chế độ miễn hỗ trợ học phí thực hiện theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Số tiền hỗ trợ học phí HKI năm học 2025-2026: 04 tháng, số học sinh được hỗ trợ: 1.213 học sinh, số tiền: 184.376.000đồng (***Viết bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng***).

Điều 3. Các học sinh có tên ở Điều 1 và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tuấn Huy

DANH SÁCH HỌC SINH HỖ TRỢ
HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026

*(Kèm theo Quyết định số: 166 /QĐ-TTHPT ngày 6 tháng 11 năm 2025
của trường THPT Cần Đước)*

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	Trần Ngọc Bảo	10.1	
2	Nguyễn Ngọc Thanh Duyên	10.1	
3	Võ Hoàn Mỹ Duyên	10.1	
4	Huỳnh Quang Đạt	10.1	
5	Trương Minh Hằng	10.1	
6	Lê Ngọc Khải Hân	10.1	
7	Đỗ Thị Ngọc Huệ	10.1	
8	Nguyễn Hoàng Huy	10.1	
9	Nguyễn Hoàng Huy	10.1	
10	Phạm Phúc Huy	10.1	
11	Dương Thị Ngọc Huyền	10.1	
12	Dương Hoài Khang	10.1	
13	Nguyễn Trọng Khang	10.1	
14	Trần Minh Khang	10.1	
15	Nguyễn Trần Quốc Kiệt	10.1	
16	Phan Thái Kiệt	10.1	
17	Cao Mai Linh	10.1	
18	Trần Diệu Quế Na	10.1	
19	Lê Hoàng Khánh Ngọc	10.1	
20	Lê Nguyễn Khánh Ngọc	10.1	
21	Trần Nguyễn Như Ngọc	10.1	
22	Nguyễn Hoàng Phúc Nguyên	10.1	
23	Trương Trần Trọng Nhân	10.1	
24	Huỳnh Văn Quý	10.1	
25	Nguyễn Nhật Tân	10.1	
26	Đặng Quang Thái	10.1	
27	Phạm Trần Gia Thuận	10.1	
28	Nguyễn Thị Hoài Thương	10.1	
29	Nguyễn Ngọc Thanh Trà	10.1	
30	Phan Thị Thanh Trúc	10.1	
31	Bùi Ngọc Vy	10.1	
32	Lê Nguyễn Tường Vy	10.1	
33	Nguyễn Hoàng Yến Vy	10.1	
34	Thái Gia Vỹ	10.1	
35	Trần Nguyễn Hoài Anh	10.2	
36	Đào Phan Anh Duy	10.2	
37	Lê Hoàng Duy	10.2	
38	Võ Thế Duy	10.2	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
39	Lê Lưu Tấn Đạt	10.2	
40	Trịnh Minh Đạt	10.2	
41	Ngô Nguyễn Gia Hân	10.2	
42	Trần Vương Hoàng	10.2	
43	Lê Thị Ngọc Hương	10.2	
44	Phan Gia Khiêm	10.2	
45	Lê Hoàng Đăng Khoa	10.2	
46	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	10.2	
47	Nguyễn Hữu Lộc	10.2	
48	Thái Gia Thiên Lộc	10.2	
49	Huỳnh Gia Minh	10.2	
50	Đỗ Trần Hải Ngân	10.2	
51	Lâm Ngọc Kim Ngân	10.2	
52	Hoàng Châu Bảo Ngọc	10.2	
53	Lê Thị Hồng Ngọc	10.2	
54	Lê Ngọc Thảo Nguyên	10.2	
55	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	10.2	
56	Phan Thị Tuyết Nhi	10.2	
57	Lưu Hoàng Phước	10.2	
58	Nguyễn Đình Tài	10.2	
59	Văn Minh Thành	10.2	
60	Lê Tấn Thịnh	10.2	
61	Nguyễn Thị Nhã Thơ	10.2	
62	Lê Nguyễn Bảo Trâm	10.2	
63	Nguyễn Thị Bảo Trâm	10.2	
64	Nguyễn Thị Bích Trâm	10.2	
65	Lê Minh Trí	10.2	
66	Trà Nguyễn Đức Trí	10.2	
67	Bùi Quang Vinh	10.2	
68	Lê Ngọc Tường Vy	10.2	
69	Đỗ Ngọc Như Ý	10.2	
70	Lưu Như Ý	10.2	
71	Lê Phúc An	10.3	
72	Nguyễn Thị Trâm Anh	10.3	
73	Phạm Gia Bảo	10.3	
74	Lê Nguyễn Ngọc Diệu	10.3	
75	Châu Thái Dương	10.3	
76	Nguyễn Quang Đại	10.3	
77	Trương Bảo Đạt	10.3	
78	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	10.3	
79	Trương Ngọc Minh Hằng	10.3	
80	Bùi Ngọc Gia Hân	10.3	
81	Nguyễn Hồ Ngọc Hân	10.3	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
82	Nguyễn Ngọc Tuyết Hân	10.3	
83	Đào Trọng Hiếu	10.3	
84	Lê Tấn Hùng	10.3	
85	Nguyễn Khánh Hưng	10.3	
86	Phạm Ngọc Bảo Kim	10.3	
87	Nguyễn Hoàng Luật	10.3	
88	Nguyễn Thị Mẫn Nhi	10.3	
89	Nguyễn Phạm Thanh Phúc	10.3	
90	Trương Nhật Hữu Quang	10.3	
91	Trần Thị Thanh Quyên	10.3	
92	Đỗ Cao Quốc Thái	10.3	
93	Nguyễn Minh Thiện	10.3	
94	Huỳnh Hồ Trung Thu	10.3	
95	Nguyễn Ngọc Minh Thư	10.3	
96	Thạch Thị Minh Thư	10.3	
97	Nguyễn Hoài Thương	10.3	
98	Võ Đình Thy	10.3	
99	Lê Hoàng Thụy Thiên Tú	10.3	
100	Nguyễn Phạm Thanh Tú	10.3	
101	Huỳnh Phương Vy	10.3	
102	Nguyễn Trần Thảo Vy	10.3	
103	Trần Hà Thúy Vy	10.3	
104	Nguyễn Huỳnh Sang Xuân	10.3	
105	Nguyễn Ngọc Như Ý	10.3	
106	Lê Trần Mỹ Yên	10.3	
107	Hồ Võ Phương Anh	10.4	
108	Trần Phan Mai Anh	10.4	
109	Phạm Khánh Băng	10.4	
110	Trần Thị Kim Cúc	10.4	
111	Phan Khánh Duy	10.4	
112	Cao Kỳ Duyên	10.4	
113	Hà Thị Trúc Hà	10.4	
114	Nguyễn Phúc Hậu	10.4	
115	Huỳnh Phương Hoài	10.4	
116	Nguyễn Tuấn Khang	10.4	
117	Phạm Nguyễn Nhật Khoa	10.4	
118	Trần Thanh Kiệt	10.4	
119	Võ Thị Sương Mai	10.4	
120	Nguyễn Thị Thu Ngân	10.4	
121	Nguyễn Ngọc Mộng Nghi	10.4	
122	Nguyễn Bảo Ngọc	10.4	
123	Võ Ngọc Minh Nguyệt	10.4	
124	Nguyễn Huỳnh Đông Nhi	10.4	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
125	Nguyễn An Nhiên	10.4	
126	Đỗ Hoàng Trọng Phúc	10.4	
127	Lâm Mộng Hà Phương	10.4	
128	Nguyễn Lê Trúc Phương	10.4	
129	Phạm Ngọc Bình Phương	10.4	
130	Nguyễn Ngọc Quân	10.4	
131	Đỗ Thục Quyên	10.4	
132	Mai Diễm Quỳnh	10.4	
133	Nguyễn Thị Kim Thi	10.4	
134	Lê Thị Phương Thùy	10.4	
135	Phan Thu Thủy	10.4	
136	Nguyễn Ngọc Kim Thư	10.4	
137	Nguyễn Ngọc Minh Thư	10.4	
138	Phan Kiều Ngân Thương	10.4	
139	Phạm Ngọc Tiên	10.4	
140	Lê Thị Tuyết Trinh	10.4	
141	Nguyễn Huỳnh Hoàng YẾN	10.4	
142	Lê Thị Kim An	10.5	
143	Nguyễn Huỳnh Anh	10.5	
144	Nguyễn Bảo Châu	10.5	
145	Bạch Hoàng Chương	10.5	
146	Văn Trần Quang Cường	10.5	
147	Phạm Thị Thúy Duy	10.5	
148	Nguyễn Thành Đạt	10.5	
149	Trần Hữu Đạt	10.5	
150	Võ Thị Ngọc Hà	10.5	
151	Trần Thị Tuyết Hương	10.5	
152	Võ Đặng Nhật Khang	10.5	
153	Nguyễn Đăng Tuấn Khánh	10.5	
154	Trần Duy Khánh	10.5	
155	Trần Đăng Khoa	10.5	
156	Nguyễn Huỳnh Thiên Kim	10.5	
157	Lê Khánh Linh	10.5	
158	Võ Ngọc Mai	10.5	
159	Lê Hoàng Nam	10.5	
160	Lê Minh Nam	10.5	
161	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	10.5	
162	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	10.5	
163	Trần Kim Ngân	10.5	
164	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	10.5	
165	Phan Nguyễn Phương Ngọc	10.5	
166	Trần Nguyễn Như Ngọc	10.5	
167	Nguyễn Tường Hiếu Nhân	10.5	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
168	Phan Ngọc Thanh Nhi	10.5	
169	Trần Tấn Phát	10.5	
170	Nguyễn Thanh Phúc	10.5	
171	Ngô Đỗ Thảo Quyên	10.5	
172	Trần Như Quỳnh	10.5	
173	Phạm Đào Thanh Thảo	10.5	
174	Phan Trần Bảo Thi	10.5	
175	Đoàn Hoàn Thiện	10.5	
176	Nguyễn Tiến Huy Thịnh	10.5	
177	Vương Hòa Thịnh	10.5	
178	Phạm Thị Kim Thoa	10.5	
179	Văn Trọng Tiến	10.5	
180	Lê Thị Ngọc Trinh	10.5	
181	Nguyễn Thị Khánh Trúc	10.5	
182	Bùi Ngọc Phương Uyên	10.5	
183	Nguyễn Lê Phương Vy	10.5	
184	Nguyễn Thị Thúy Vy	10.5	
185	Phan Nguyễn Thanh Vy	10.5	
186	Trần Thị Kim Yên	10.5	
187	Lưu Nguyễn Vi Ái	10.6	
188	Đỗ Quỳnh Anh	10.6	
189	Huỳnh Ngọc Vân Anh	10.6	
190	Võ Phạm Thái Bảo	10.6	
191	Phan Nguyễn Khánh Băng	10.6	
192	Nguyễn Thị Linh Đa	10.6	
193	Hồ Quốc Đạt	10.6	
194	Ngô Phát Đạt	10.6	
195	Lê Thị Kim Hằng	10.6	
196	Đoàn Thị Ngọc Hân	10.6	
197	Huỳnh Võ Ngọc Hân	10.6	
198	Lưu Gia Hân	10.6	
199	Trần Ngọc Mai Hân	10.6	
200	Phùng Quang Hưng	10.6	
201	Nguyễn Ngọc Cẩm Hường	10.6	
202	Đinh Lưu Quốc Kiên	10.6	
203	Trần Trung Kiệt	10.6	
204	Nguyễn Hoàng Gia Lâm	10.6	
205	Bùi Ngọc Pha Lê	10.6	
206	Lưu Thị Bích Mi	10.6	
207	Nguyễn Trung Nam	10.6	
208	Bùi Phạm Thu Ngân	10.6	
209	Phan Đoàn Dân Nghi	10.6	
210	Phạm Đình Nhân	10.6	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
211	Lê Hữu Hạo Nhiên	10.6	
212	Võ Nguyễn Ngọc Oanh	10.6	
213	Phan Hiệp Phát	10.6	
214	Phan Hoàng Phú	10.6	
215	Giang Kim Phúc	10.6	
216	Lưu Tấn Phúc	10.6	
217	Nguyễn Mai Tuyết Phương	10.6	
218	Nguyễn Thùy Mộng Quý	10.6	
219	Võ Hoàng Sơn	10.6	
220	Nguyễn Tấn Tài	10.6	
221	Nguyễn Khánh Thanh	10.6	
222	Nguyễn Thu Thảo	10.6	
223	Nguyễn Thuận Thế	10.6	
224	Đoàn Thị Minh Thư	10.6	
225	Trần Thị Kim Trúc	10.6	
226	Phạm Thành Trung	10.6	
227	Nguyễn Thanh Tú	10.6	
228	Lê Thị Hồng Vân	10.6	
229	Nguyễn Thúy Vy	10.6	
230	Phan Thị Kim Ý	10.6	
231	Nguyễn Trần Mỹ Yến	10.6	
232	Nguyễn Võ Thế Bảo	10.7	
233	Cao Văn Chương	10.7	
234	Võ Thị Kim Cương	10.7	
235	Trần Lê Thế Danh	10.7	
236	Hồ Thùy Dương	10.7	
237	Đỗ Thành Đạt	10.7	
238	Kiều Tấn Đắc	10.7	
239	Nguyễn Quỳnh Trúc Giao	10.7	
240	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	10.7	
241	Võ Trần Khánh Hằng	10.7	
242	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10.7	
243	Nguyễn Thái Thiên Hoàng	10.7	
244	Nguyễn Trần Gia Huy	10.7	
245	Nguyễn Xuân Hương	10.7	
246	Phạm Mai Khanh	10.7	
247	Ung Minh Khánh	10.7	
248	Phạm Huỳnh Đăng Khoa	10.7	
249	Nguyễn Đăng Khôi	10.7	
250	Nguyễn Gia Mẫn	10.7	
251	Phạm Trà My	10.7	
252	Nguyễn Lê Khánh Ngân	10.7	
253	Nguyễn Thị Hồng Ngân	10.7	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
254	Trần Ngọc Xuân Nghi	10.7	
255	Lê Phạm Trung Nghĩa	10.7	
256	Võ Thanh Ngọc	10.7	
257	Nguyễn Trọng Nguyên	10.7	
258	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	10.7	
259	Trần Tuyết Nhung	10.7	
260	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10.7	
261	Phạm Trương Quỳnh Như	10.7	
262	Nguyễn Phạm Trí Quan	10.7	
263	Lý Thuận Thành	10.7	
264	Nguyễn Phương Thành	10.7	
265	Nguyễn Thanh Thảo	10.7	
266	Bùi Thị Bảo Thi	10.7	
267	Nguyễn Thành Thiện	10.7	
268	Nguyễn Huỳnh Minh Tiến	10.7	
269	Phạm Văn Tùng Toàn	10.7	
270	Lê Ngọc Trâm	10.7	
271	Nguyễn Ngọc Trâm	10.7	
272	Nguyễn Ái Trân	10.7	
273	Phạm Ngọc Trinh	10.7	
274	Lý Lâm Nhã Uyên	10.7	
275	Lê Thị Thúy Vân	10.7	
276	Quách Hồng Hải Yến	10.7	
277	Nguyễn Hoàng Anh	10.8	
278	Trần Huỳnh Lan Anh	10.8	
279	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	10.8	
280	Nguyễn Minh Bảo	10.8	
281	Lê Trí Dũng	10.8	
282	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10.8	
283	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10.8	
284	Trà Nguyễn Lam Giang	10.8	
285	Nguyễn Lê Gia Hân	10.8	
286	Trương Quốc Huy	10.8	
287	Nguyễn Mai Thành Khang	10.8	
288	Võ Gia Kiệt	10.8	
289	Nguyễn Thị Thùy Mi	10.8	
290	Nguyễn Thị Trà Mi	10.8	
291	Phan Nhựt Nam	10.8	
292	Bùi Ngọc Kim Ngân	10.8	
293	Huỳnh Thị Thu Ngân	10.8	
294	Trương Thị Thúy Nghi	10.8	
295	Hồ Thị Mỹ Ngọc	10.8	
296	Nguyễn Phước Nguyên	10.8	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
297	Võ Ngọc Thảo Nguyên	10.8	
298	Huỳnh Phan Khả Nhi	10.8	
299	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	10.8	
300	Trần Minh Ngọc Yến Nhi	10.8	
301	Nguyễn Huỳnh Tấn Phát	10.8	
302	Nguyễn Tấn Phát	10.8	
303	Bùi Như Quỳnh	10.8	
304	Nguyễn Thanh Sang	10.8	
305	Lê Quốc Tài	10.8	
306	Nguyễn Thị Anh Thi	10.8	
307	Nguyễn Ngọc Diệu Thiện	10.8	
308	Lê Trí Thông	10.8	
309	Huỳnh Thị Anh Thơ	10.8	
310	Nguyễn Thị Thanh Thủy	10.8	
311	Huỳnh Minh Thư	10.8	
312	Nguyễn Thị Anh Thư	10.8	
313	Nguyễn Thị Anh Thư	10.8	
314	Trần Thị Thanh Thư	10.8	
315	Võ Ngọc Minh Thư	10.8	
316	Phạm Thùy Trang	10.8	
317	Kiều Thị Ngọc Trâm	10.8	
318	Đỗ Thị Thanh Trúc	10.8	
319	Phan Nhật Trung	10.8	
320	Trương Ngọc Tường Vy	10.8	
321	Huỳnh Phúc Thiên An	11.1	
322	Lê Đặng Hoàng Châu	11.1	
323	Bùi Quốc Duy	11.1	
324	Nguyễn An Dương	11.1	
325	Phạm Minh Hiếu	11.1	
326	Võ Ngọc Ngân Huệ	11.1	
327	Nguyễn Minh Huy	11.1	
328	Phan Sinh Huy	11.1	
329	Trần Nguyễn Lê Huỳnh	11.1	
330	Võ Hồng Đăng Khoa	11.1	
331	Võ Duy Khương	11.1	
332	Võ Phạm Yến Linh	11.1	
333	Nguyễn Lâm Hoàn Mỹ	11.1	
334	Đỗ Nguyễn Khánh Ngọc	11.1	
335	Nguyễn Thùy Như Ngọc	11.1	
336	Nguyễn Khánh Nguyên	11.1	
337	Đỗ Thành Nhân	11.1	
338	Nguyễn Thiện Nhân	11.1	
339	Trần Minh Nhật	11.1	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
340	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	11.1	
341	Hồ Nguyên Phương	11.1	
342	Nguyễn Vinh Quang	11.1	
343	Nguyễn Minh Quân	11.1	
344	Phạm Võ Quốc Thái	11.1	
345	Nguyễn Duy Phước Thịnh	11.1	
346	Nguyễn Trần Anh Thư	11.1	
347	Nguyễn Trọng Tín	11.1	
348	Nguyễn Quỳnh Bảo Trân	11.1	
349	Lâm Minh Trí	11.1	
350	Nguyễn Minh Trọng	11.1	
351	Trần Thị Thanh Trúc	11.1	
352	Đào Phương Vy	11.1	
353	Lê Ngọc Thảo Vy	11.1	
354	Lê Phan Yến Vy	11.1	
355	Võ Tường Vy	11.1	
356	Nguyễn Hoàng An	11.10	
357	Võ Thị Kim Anh	11.10	
358	Nguyễn Chí Bảo	11.10	
359	Phạm Hoàng Bảo	11.10	
360	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11.10	
361	Nguyễn Đăng Minh Hiếu	11.10	
362	Trần Thị Kim Hồng	11.10	
363	Phan Xuân Hùng	11.10	
364	Ung Thị Cẩm Huỳnh	11.10	
365	Lê Hoàng Khang	11.10	
366	Nguyễn Đăng Khoa	11.10	
367	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	11.10	
368	Nguyễn Thị Khánh Linh	11.10	
369	Trần Hoàng Long	11.10	
370	Trần Đồng Lợi	11.10	
371	Ngô Thanh Gia Minh	11.10	
372	Lê Thị Như Ngọc	11.10	
373	Trần Phúc Thiên Ngọc	11.10	
374	Bùi Thị Yến Nhi	11.10	
375	Ngô Ngọc Như	11.10	
376	Nguyễn Tấn Phát	11.10	
377	Cao Nguyễn Gia Phúc	11.10	
378	Lê Trọng Phúc	11.10	
379	Trần Hoàng Phúc	11.10	
380	Nguyễn Thị Trúc Phương	11.10	
381	Nguyễn Trúc Thanh Phương	11.10	
382	Nguyễn Thị Nguyệt Quế	11.10	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
383	Võ Như Quỳnh	11.10	
384	Nguyễn Văn Tân	11.10	
385	Bùi Minh Tấn	11.10	
386	Trần Thị Mai Thanh	11.10	
387	Lê Đỗ Lan Thảo	11.10	
388	Phạm Nguyễn Như Thảo	11.10	
389	Nguyễn Trang Thu	11.10	
390	Lâm Hồng Bảo Thy	11.10	
391	Cao Mai Trâm	11.10	
392	Phan Hoàng Trí	11.10	
393	Võ Hoàng Gia Tường	11.10	
394	Trần Thị Xuân Uyên	11.10	
395	Trần Tuệ Văn	11.10	
396	Trần Lâm Vũ	11.10	
397	Quách Duy An	11.11	
398	Nguyễn Hà Bảo Anh	11.11	
399	Bạch Nguyễn Gia Bảo	11.11	
400	Nguyễn Trần Charlie	11.11	
401	Thái Thị Thùy Duyên	11.11	
402	Trình Thị Ánh Dương	11.11	
403	Huỳnh Cao Tấn Đạt	11.11	
404	Trà Thành Đạt	11.11	
405	Nguyễn Thụy Trúc Giang	11.11	
406	Trương Ngọc Quỳnh Hương	11.11	
407	Phan Tuấn Khang	11.11	
408	Trần Minh Khang	11.11	
409	Lê Minh Khánh	11.11	
410	Trần Tuấn Kiệt	11.11	
411	Trần Ngọc Hoàng Lan	11.11	
412	Ngô Gia Minh	11.11	
413	Phan Ngọc Uyên Minh	11.11	
414	Huỳnh Thị Thanh Ngân	11.11	
415	Võ Quốc Nghị	11.11	
416	Nguyễn Hiếu Nghĩa	11.11	
417	Phan Trọng Nghĩa	11.11	
418	Huỳnh Đào Thanh Ngọc	11.11	
419	Lê Thị Ngọc Nhi	11.11	
420	Phạm Thị Trúc Nhi	11.11	
421	Nguyễn Lâm Tâm Như	11.11	
422	Phạm Thành Phát	11.11	
423	Cao Trần Thanh Phong	11.11	
424	Bùi Trọng Phúc	11.11	
425	Hồ Thanh Phúc	11.11	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
426	Huỳnh Gia Phúc	11.11	
427	Trần Tri Phương	11.11	
428	Đặng Trung Quân	11.11	
429	Lê Nguyễn Anh Quân	11.11	
430	Đỗ Ngọc Thanh Sơn	11.11	
431	Võ Thị Ngọc Sương	11.11	
432	Nguyễn Hoàng Thành	11.11	
433	Huỳnh Thanh Thế	11.11	
434	Nguyễn Đoàn Song Thư	11.11	
435	Nguyễn Thị Anh Thư	11.11	
436	Trần Thị Anh Thư	11.11	
437	Nguyễn Trọng Tín	11.11	
438	Nguyễn Thanh Tú	11.11	
439	Nguyễn Thị Cẩm Tú	11.11	
440	Nguyễn Ngọc Phương YẾN	11.11	
441	Đặng Khánh An	11.2	
442	Dương Đào Tuấn Anh	11.2	
443	Nguyễn Thị Lan Anh	11.2	
444	Phạm Thị Quế Anh	11.2	
445	Trần Ngọc Quỳnh Anh	11.2	
446	Lâm Trí Bảo	11.2	
447	Trà Hồ Khánh Bảo	11.2	
448	Nguyễn Thái Minh Châu	11.2	
449	Lưu Đào Diễm Diệu	11.2	
450	Nguyễn Thành Đạt	11.2	
451	Đỗ Thanh Hải	11.2	
452	Hồ Thị Hồng Hạnh	11.2	
453	Nguyễn Minh Hằng	11.2	
454	Đỗ Thanh Huy	11.2	
455	Ngô Nguyễn Bích Huỳnh	11.2	
456	Đỗ Ngọc Lan Hương	11.2	
457	Phạm Tuấn Kiệt	11.2	
458	Huỳnh Thị Pha Lê	11.2	
459	Trương Thị Khánh Linh	11.2	
460	Võ Ngọc Khánh Linh	11.2	
461	Võ Thành Long	11.2	
462	Hồ Phước Minh	11.2	
463	Nguyễn Trọng Nam	11.2	
464	Nguyễn Ngọc Ái Nhi	11.2	
465	Trần Ngọc Phong	11.2	
466	Phan Thị Trúc Quỳnh	11.2	
467	Huỳnh Lê Minh Thư	11.2	
468	Phạm Nguyễn Minh Thư	11.2	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
469	Trần Anh Thy	11.2	
470	Bùi Yến Ngọc Tú Trân	11.2	
471	Chung Khánh Trình	11.2	
472	Nguyễn Đức Trọng	11.2	
473	Nguyễn Lê Nhã Trúc	11.2	
474	Trà Thanh Trung	11.2	
475	Nguyễn Hà Tường Vi	11.2	
476	Nguyễn Thị Ngọc Vy	11.2	
477	Phan Nguyễn Ngọc Ánh	11.3	
478	Nguyễn Hoài Bảo	11.3	
479	Nguyễn Quốc Bảo	11.3	
480	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	11.3	
481	Nguyễn Thị Hồng Châu	11.3	
482	Nguyễn Thị Kim Diễm	11.3	
483	Nguyễn Tấn Đạt	11.3	
484	Lê Đức Hải	11.3	
485	Văn Thị Ngọc Hân	11.3	
486	Nguyễn Đăng Diệu Hiền	11.3	
487	Trần Gia Huy	11.3	
488	Phạm Trần Hữu Anh Khoa	11.3	
489	Nguyễn Ngọc Bảo Lam	11.3	
490	Hồ Trà My	11.3	
491	Nguyễn Ngọc Diễm My	11.3	
492	Nguyễn Võ Kim Ngân	11.3	
493	Trà Mỹ Ngọc	11.3	
494	Trần Bội Ngọc	11.3	
495	Võ Phạm Hồng Nhung	11.3	
496	Mai Thành Phát	11.3	
497	Lê Ngọc Triều Tiên	11.3	
498	Trần Võ Minh Phương	11.3	
499	Võ Ngọc Bảo Tâm	11.3	
500	Bùi Thị Anh Thư	11.3	
501	Lê Ngọc Trâm	11.3	
502	Nguyễn Hồng Ngọc Trâm	11.3	
503	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	11.3	
504	Phạm Thị Phương Tuyến	11.3	
505	Bùi Gia Uyên	11.3	
506	Cao Thị Phương Uyên	11.3	
507	Trần Gia Khôi Vĩ	11.3	
508	Bùi Thị Hạ Vy	11.3	
509	Tô Thúy Vy	11.3	
510	Huỳnh Ngọc Như Ý	11.3	
511	Trần Nguyễn Như Ý	11.3	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
512	Võ Huỳnh Thiên Ý	11.3	
513	Nguyễn Hoàng Khánh An	11.4	
514	Nguyễn Tường An	11.4	
515	Nguyễn Huỳnh Anh	11.4	
516	Hồ Thiên Bảo	11.4	
517	Lê Thiên Bảo	11.4	
518	Trần Lê Khánh Băng	11.4	
519	Nguyễn Thế Danh	11.4	
520	Nguyễn Khắc Duy	11.4	
521	Trương Ngọc Thùy Dương	11.4	
522	Lại Hoàng Khang	11.4	
523	Đậu Lê Hoàng Khánh	11.4	
524	Nguyễn Huỳnh Tuấn Kiệt	11.4	
525	Nguyễn Đức Liêm	11.4	
526	Võ Thị Ngọc Khánh Ly	11.4	
527	Nguyễn Hoàng Nam	11.4	
528	Lâm Thúy Nga	11.4	
529	Lê Thị Kim Ngân	11.4	
530	Phạm Hoàng Yến Ngọc	11.4	
531	Dương Thị Yến Nhi	11.4	
532	Huỳnh Nguyễn Ngọc Nhi	11.4	
533	Nguyễn Minh Nhựt	11.4	
534	Võ Thành Phát	11.4	
535	Huỳnh Thanh Tân	11.4	
536	Nguyễn Hữu Thắng	11.4	
537	Nguyễn Trần Phước Thịnh	11.4	
538	Nguyễn Ngọc Minh Thùy	11.4	
539	Phan Công Tín	11.4	
540	Nguyễn Minh Triết	11.4	
541	Nguyễn Ngọc Anh Trúc	11.4	
542	Nguyễn Phan Thy Trúc	11.4	
543	Nguyễn Thị Thanh Trúc	11.4	
544	Võ Nguyễn Ngọc Trúc	11.4	
545	Nguyễn Thị Cẩm Tú	11.4	
546	Mai Khánh Vy	11.4	
547	Nguyễn Thị Thảo Vy	11.4	
548	Huỳnh Thanh Xuân	11.4	
549	Huỳnh Trung An	11.5	
550	Phan Nguyễn Bình An	11.5	
551	Phạm Nguyễn Ngọc Diệp	11.5	
552	Trương Tấn Duy	11.5	
553	Võ Hồng Hạnh	11.5	
554	Ngô Gia Hân	11.5	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
555	Thái Ngọc Hân	11.5	
556	Nguyễn Thụy Thảo Hiền	11.5	
557	Lê Nguyễn Hoàng Huy	11.5	
558	Nguyễn Huỳnh Gia Huy	11.5	
559	Trần Minh Huy	11.5	
560	Nguyễn Thị Ngọc Hương	11.5	
561	Nguyễn Phú Hữu	11.5	
562	Đoàn Võ Duy Khang	11.5	
563	Hoàng Minh Khôi	11.5	
564	Trà Bảo Gia Kỳ	11.5	
565	Nguyễn Yến Linh	11.5	
566	Nguyễn Hồng Luật	11.5	
567	Nguyễn Hoàng Thảo My	11.5	
568	Phạm Trà My	11.5	
569	Trần Ngọc Diễm My	11.5	
570	Bùi Lưu Hạo Nam	11.5	
571	Nguyễn Thị Thu Ngân	11.5	
572	Thạch Thu Ngân	11.5	
573	Nguyễn Như Ngọc	11.5	
574	Thái Thị Khánh Ngọc	11.5	
575	Trần Như Khánh Nguyên	11.5	
576	Bùi Thị Ánh Nguyệt	11.5	
577	Tô Thành Nhân	11.5	
578	Nguyễn Hoàng Minh Nhựt	11.5	
579	Bùi Vĩnh Phát	11.5	
580	Lê Nhựt Phát	11.5	
581	Phạm Lê Thành Phát	11.5	
582	Phan Ngọc Mai Phương	11.5	
583	Nguyễn Thị Như Quỳnh	11.5	
584	Tạ Ngọc Như Quỳnh	11.5	
585	Đỗ Hoàng Thái	11.5	
586	Phan Thanh Thảo	11.5	
587	Nguyễn Thanh Thiện	11.5	
588	Nguyễn Thị Thanh Thùy	11.5	
589	Trương Thị Thanh Thủy	11.5	
590	Nguyễn Minh Triết	11.5	
591	Trần Thanh Thảo Trúc	11.5	
592	Phạm Thị Mỹ Uyên	11.5	
593	Đỗ Quốc Anh	11.6	
594	Nguyễn Phước Gia Bảo	11.6	
595	Nguyễn Bích Châu	11.6	
596	Phạm Ngọc Kim Cương	11.6	
597	Lưu Ngọc Khánh Hà	11.6	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
598	Ngô Thị Cẩm Hằng	11.6	
599	Lâm Nguyễn Ngọc Hân	11.6	
600	Nguyễn An Thiên Khả	11.6	
601	Hồ Ngọc Khánh	11.6	
602	Nguyễn Quốc Kiệt	11.6	
603	Lê Gia Phương Linh	11.6	
604	Lê Thị Yến Linh	11.6	
605	Lê Ngọc Thảo Ly	11.6	
606	Lâm Bá Minh	11.6	
607	Lê Công Minh	11.6	
608	Nguyễn Hùng Minh	11.6	
609	Trần Thiện Minh	11.6	
610	Lê Nguyễn Diễm Ngân	11.6	
611	Nguyễn Thị Thu Ngân	11.6	
612	Nguyễn Thị Như Ngọc	11.6	
613	Trần Hồng Ngọc	11.6	
614	Ngô Khánh Nguyên	11.6	
615	Nguyễn Đào Phương Nhi	11.6	
616	Huỳnh Công Tấn Phát	11.6	
617	Huỳnh Tiến Phong	11.6	
618	Nguyễn Thanh Phong	11.6	
619	Ngô Huỳnh Như Phúc	11.6	
620	Nguyễn Vương Phúc	11.6	
621	Bùi Thị Tuyền Phương	11.6	
622	Nguyễn Hồng Phương	11.6	
623	Trần Khánh Quy	11.6	
624	Nguyễn Thanh Sơn	11.6	
625	Nguyễn Quốc Thái	11.6	
626	Võ Thị Mai Thảo	11.6	
627	Bùi Đăng Hữu Thịnh	11.6	
628	Nguyễn Quốc Thịnh	11.6	
629	Nguyễn Thị Phương Thùy	11.6	
630	Nguyễn Thị Anh Thư	11.6	
631	Trần Nhựt Tiến	11.6	
632	Trần Nguyễn Bích Tuyền	11.6	
633	Đặng Thị Trường Vy	11.6	
634	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	11.6	
635	Bùi Ngọc Như Ý	11.6	
636	Ngô Hải Yến	11.6	
637	Nguyễn Ngọc Phương Anh	11.7	
638	Cao Gia Bảo	11.7	
639	Phan Huỳnh Bảo Châu	11.7	
640	Phan Nguyễn Quốc Duy	11.7	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
641	Nguyễn Thùy Dương	11.7	
642	Ngô Quốc Đạt	11.7	
643	Lưu Hải Đăng	11.7	
644	Nguyễn Văn Thành Đô	11.7	
645	Dương Ngọc Bảo Hân	11.7	
646	Trần Diệu Hiền	11.7	
647	Phạm Hoàng Khải	11.7	
648	Nguyễn Tuấn Khang	11.7	
649	Mai Nguyễn Bảo Khương	11.7	
650	Nguyễn Ngọc Thanh Lan	11.7	
651	Hồ Thành Long	11.7	
652	Nguyễn Hoàng Long	11.7	
653	Nguyễn Lê Hoàng Long	11.7	
654	Trần Bảo Ngọc	11.7	
655	Nguyễn Khôi Nguyên	11.7	
656	Nguyễn Thị Kiều Nhi	11.7	
657	Võ Thị Hồng Nhung	11.7	
658	Huỳnh Ngọc Như	11.7	
659	Nguyễn Thị Hồng Như	11.7	
660	Nguyễn Thị Yến Như	11.7	
661	Nguyễn Dương Phát	11.7	
662	Nguyễn Thanh Phát	11.7	
663	Dương Minh Quang	11.7	
664	Đào Minh Quân	11.7	
665	Võ Văn Thành	11.7	
666	Phạm Thanh Thảo	11.7	
667	Phạm Văn Tuấn Thoại	11.7	
668	Nguyễn Minh Thư	11.7	
669	Nguyễn Minh Thư	11.7	
670	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	11.7	
671	Ngô Thị Cẩm Ti	11.7	
672	Võ Lê Ngọc Thùy Trâm	11.7	
673	Nguyễn Ngọc Thùy Trúc	11.7	
674	Nguyễn Thanh Trúc	11.7	
675	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	11.7	
676	Nguyễn Hoài Văn	11.7	
677	Võ Hoàng Thanh Văn	11.7	
678	Nguyễn Ngọc Tường Vi	11.7	
679	Nguyễn Huỳnh Hoàng Vũ	11.7	
680	Nguyễn Thị Yến Vy	11.7	
681	Nguyễn Trần Thảo Vy	11.7	
682	Lê Phạm Tuấn An	11.8	
683	Nguyễn Hoài An	11.8	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
684	Nguyễn Duy Bằng	11.8	
685	Trà Bảo Châu	11.8	
686	Lưu Minh Đăng	11.8	
687	Đỗ Huy Hoàng	11.8	
688	Trương Hồng Kỳ	11.8	
689	Hồ Phúc Lộc	11.8	
690	Võ Tấn Luân	11.8	
691	Lê Nguyễn Bảo Ngân	11.8	
692	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	11.8	
693	Bùi Thị Bảo Ngọc	11.8	
694	Nguyễn Bạch Lam Ngọc	11.8	
695	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	11.8	
696	Huỳnh Bảo Nguyên	11.8	
697	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	11.8	
698	Lê Huỳnh Như	11.8	
699	Trần Ngọc Quỳnh Như	11.8	
700	Nguyễn Hiếu Phong	11.8	
701	Nguyễn Gia Phúc	11.8	
702	Nhâm Ngọc Diễm Phúc	11.8	
703	Nguyễn Trần An Phước	11.8	
704	Mai Trần Hải Quý	11.8	
705	Nguyễn Tấn Tài	11.8	
706	Phạm Thị Hồng Thanh	11.8	
707	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	11.8	
708	Nguyễn Quốc Thịnh	11.8	
709	Võ Thị Anh Thư	11.8	
710	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	11.8	
711	Trần Huỳnh Ngọc Tín	11.8	
712	Trần Nguyễn Hữu Tín	11.8	
713	Nguyễn Võ Ngọc Trâm	11.8	
714	Đặng Thị Huyền Trân	11.8	
715	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	11.8	
716	Nguyễn Ngọc Minh Tú	11.8	
717	Nguyễn Thanh Tuyền	11.8	
718	Nguyễn Thị Cẩm Vân	11.8	
719	Phạm Phúc Vinh	11.8	
720	Cao Phương Vy	11.8	
721	Mai Huỳnh Xuân Vy	11.8	
722	Nguyễn Thị Tường Vy	11.8	
723	Nguyễn Tường Vy	11.8	
724	Lê Thị Kim Xuyến	11.8	
725	Ngô Ngọc Như Ý	11.8	
726	Nguyễn Trần Minh Anh	11.9	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
727	Phan Tú Anh	11.9	
728	Dư Quốc Bảo	11.9	
729	Trần Đăng Thái Dương	11.9	
730	Trần Thị Diễm Đào	11.9	
731	Mai Thanh Đạt	11.9	
732	Nguyễn Trần Thành Đạt	11.9	
733	Nguyễn Hải Đăng	11.9	
734	Lê Thị Hồng Gấm	11.9	
735	Nguyễn Thị Ngọc Hân	11.9	
736	Phan Thị Ngọc Hân	11.9	
737	Nguyễn Chánh Huy	11.9	
738	Phạm Nhựt Huy	11.9	
739	Nguyễn Lê Gia Khang	11.9	
740	Nguyễn Thị Thùy Linh	11.9	
741	Nguyễn Thành Long	11.9	
742	Dương Ngọc Hải Mi	11.9	
743	Nguyễn Trần Phát Minh	11.9	
744	Phan Thị Thanh Ngân	11.9	
745	Nguyễn Thị Mộng Nghi	11.9	
746	Lê Hoàng Nguyên	11.9	
747	Nguyễn Thị Huỳnh Như	11.9	
748	Nguyễn Trần Tuyết Như	11.9	
749	Phan Nguyễn Huỳnh Như	11.9	
750	Phan Thị Mỹ Quyên	11.9	
751	Lê Nguyễn Như Quỳnh	11.9	
752	Nguyễn Phát Thịnh	11.9	
753	Phạm Lê Thanh Thùy	11.9	
754	Châu Ngọc Anh Thư	11.9	
755	Nguyễn Ngọc Anh Thư	11.9	
756	Nguyễn Thị Minh Thư	11.9	
757	Nguyễn Ngọc Đoan Trang	11.9	
758	Châu Lê Hoàng Trân	11.9	
759	Ngô Thị Ngọc Trân	11.9	
760	Lê Thanh Trúc	11.9	
761	Nguyễn Ngọc Phương Tuyền	11.9	
762	Trần Đại Gia Uy	11.9	
763	Đỗ Nguyễn Phương Vy	11.9	
764	Lê Tiết Kiều Vy	11.9	
765	Nguyễn Hồ Hoàng Anh	12.1	
766	Hồ Gia Bảo	12.1	
767	Phan Gia Bảo	12.1	
768	Trần Bảo Băng	12.1	
769	Nguyễn Xuân Danh	12.1	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
770	Nguyễn Tiến Dũng	12.1	
771	Nguyễn Hoàng Thành Đạt	12.1	
772	Trần Ngọc Giàu	12.1	
773	Nguyễn Việt Hà	12.1	
774	Lê Minh Hiếu	12.1	
775	Trần Huỳnh Hoa	12.1	
776	Nguyễn Trung Hòa	12.1	
777	Văn Thụy Xuân Kha	12.1	
778	Phạm Hoàng Long	12.1	
779	Trần Thị Yến Ly	12.1	
780	Nguyễn Ngọc Minh	12.1	
781	Trần Quốc Minh	12.1	
782	Bùi Thị Thanh Ngân	12.1	
783	Bùi Thị Thanh Ngọc	12.1	
784	Nguyễn Thị Yến Nhi	12.1	
785	Đặng Thị Tuyết Nhung	12.1	
786	Nguyễn Huỳnh Như	12.1	
787	Lê Trung Bảo Phong	12.1	
788	Lâm Văn Phúc	12.1	
789	Hồ Hoàng Quân	12.1	
790	Huỳnh Ngọc Phương Thảo	12.1	
791	Nguyễn Phúc Thịnh	12.1	
792	Võ Nguyễn Phương Thùy	12.1	
793	Trương Ngọc Minh Thư	12.1	
794	Trần Nguyễn Bảo Thy	12.1	
795	Lê Kim Văn Trí	12.1	
796	Đỗ Thanh Tú	12.1	
797	Lê Nguyễn Minh Tuấn	12.1	
798	Huỳnh Thị Tuệ Uyên	12.1	
799	Võ Thanh Vũ	12.1	
800	Đinh Thị Thảo Vy	12.1	
801	Lê Nguyễn Thúy An	12.10	
802	Nguyễn Huỳnh Ngọc An	12.10	
803	Nguyễn Huỳnh Thúy An	12.10	
804	Võ Huỳnh Nhật Anh	12.10	
805	Nguyễn Hoàng Ngọc Châu	12.10	
806	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	12.10	
807	Lê Ngọc Thùy Dương	12.10	
808	Nguyễn Võ Trường Đạt	12.10	
809	Trần Hữu Đạt	12.10	
810	Lê Thị Thu Hà	12.10	
811	Nguyễn Phương Diễm Hằng	12.10	
812	Nguyễn Ngọc Hân	12.10	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
813	Phan Thị Ngọc Hân	12.10	
814	Phạm Nhựt Hùng	12.10	
815	Huỳnh Thái Huy	12.10	
816	Nguyễn Trương Huy	12.10	
817	Võ Thị Bích Huyền	12.10	
818	Nguyễn Hữu Lợi	12.10	
819	Trần Văn Khải Minh	12.10	
820	Nguyễn Ngọc Kiều Ngân	12.10	
821	Nguyễn Thị Kim Ngân	12.10	
822	Nguyễn Trần Khôi Nguyên	12.10	
823	Phạm Lê Nguyên	12.10	
824	Võ Thịnh Nguyên	12.10	
825	Huỳnh Thị Yến Nhi	12.10	
826	Đỗ Thị Cẩm Nhung	12.10	
827	Nguyễn Huỳnh Hồng Phát	12.10	
828	Nguyễn Tấn Phát	12.10	
829	Trần Mai Phương	12.10	
830	Nguyễn Thị Kim Phượng	12.10	
831	Hồ Minh Quân	12.10	
832	Nguyễn Chí Tâm	12.10	
833	Nguyễn Thị Thanh	12.10	
834	Nguyễn Thị Anh Thơ	12.10	
835	Nguyễn Minh Thư	12.10	
836	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12.10	
837	Nguyễn Hoàng Thu Trang	12.10	
838	Phạm Nguyễn Bảo Trâm	12.10	
839	Mai Nhật Trung	12.10	
840	Nguyễn Quốc Tuấn	12.10	
841	Nguyễn Ái Vy	12.10	
842	Nguyễn Thị Phương Vy	12.10	
843	Tô Ngọc Tường Vy	12.10	
844	Võ Tường Vy	12.10	
845	Chung Thị Minh Anh	12.11	
846	Nguyễn Ngọc Lan Anh	12.11	
847	Nguyễn Lê Hoài Bảo	12.11	
848	Nguyễn Quốc Bảo	12.11	
849	Ngô Trần Quốc Bình	12.11	
850	Nguyễn Tấn Đạt	12.11	
851	Đào Huỳnh Đức	12.11	
852	Nguyễn Thị Thúy Hằng	12.11	
853	Mai Phúc Hậu	12.11	
854	Nguyễn Thành Phúc Hậu	12.11	
855	Trần Gia Huy	12.11	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
856	Trần Gia Huy	12.11	
857	Trương Minh Huy	12.11	
858	Võ Ngọc Thanh Huyền	12.11	
859	Đỗ Phúc Khang	12.11	
860	Trần Huỳnh Quốc Khang	12.11	
861	Trần Huỳnh Gia Khiêm	12.11	
862	Vương Gia Khiêm	12.11	
863	Phan Lê Thanh Liên	12.11	
864	Phan Thị Tuyết Loan	12.11	
865	Nguyễn Ngọc Trúc Ly	12.11	
866	Phạm Thị Trúc Mai	12.11	
867	Đỗ Nguyễn Trọng Nghĩa	12.11	
868	Huỳnh Phúc Nguyên	12.11	
869	Lê Tấn Phát	12.11	
870	Lê Huỳnh Phương Quyên	12.11	
871	Nguyễn Chí Thanh	12.11	
872	Phạm Tấn Thiện	12.11	
873	Huỳnh Thị Hồng Thơ	12.11	
874	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12.11	
875	Trần Thị Bảo Trân	12.11	
876	Mai Thanh Triệu	12.11	
877	Nguyễn Thị Phương Trinh	12.11	
878	Hồ Minh Tuấn	12.11	
879	Phạm Ngọc Phương Uyên	12.11	
880	Nguyễn Thị Mỹ Vân	12.11	
881	Huỳnh Minh Vũ	12.11	
882	Lê Thị Thảo Vy	12.11	
883	Nguyễn Gia Vy	12.11	
884	Nguyễn Thị Minh Vy	12.11	
885	Phan Ngọc Phương Vy	12.11	
886	Văn Công Tuấn An	12.2	
887	Đinh Thế Anh	12.2	
888	Phan Lê Chánh	12.2	
889	Lê Khánh Dương	12.2	
890	Nguyễn Thanh Hải	12.2	
891	Ngô Nguyễn Phúc Hiền	12.2	
892	Huỳnh Minh Hiếu	12.2	
893	Lê Thanh Kha	12.2	
894	Trần Thanh Kha	12.2	
895	Phạm Nguyễn Hoàng Khang	12.2	
896	Cao Quang Khánh	12.2	
897	Nguyễn Tuấn Kiệt	12.2	
898	Nguyễn Thái Luân	12.2	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
899	Nguyễn Thị Kim Ngân	12.2	
900	Châu Đại Nghĩa	12.2	
901	Nguyễn Như Ngọc	12.2	
902	Châu Huệ Như	12.2	
903	Đỗ Thị Ngọc Như	12.2	
904	Hồ Hoàng Anh Pha	12.2	
905	Huỳnh Thuận Phát	12.2	
906	Nguyễn Vĩnh Phúc	12.2	
907	Lê Bùi Trúc Phương	12.2	
908	Nguyễn Minh Sơn	12.2	
909	Nguyễn Minh Thành	12.2	
910	Phan Thanh Thảo	12.2	
911	Trần Ngô Khả Thi	12.2	
912	Nguyễn Ngọc Minh Thư	12.2	
913	Lê Phạm Thùy Trâm	12.2	
914	Nguyễn Minh Trí	12.2	
915	Nguyễn Thị Huỳnh Trong	12.2	
916	Nguyễn Thành Trung	12.2	
917	Phạm Quốc Viễn	12.2	
918	Nguyễn Ngọc Tường Vy	12.2	
919	Trần Ngọc Như Ý	12.2	
920	Ngô Quốc An	12.3	
921	Huỳnh Nguyễn Hồng Anh	12.3	
922	Nguyễn Đỗ Tuyết Anh	12.3	
923	Trần Ngọc Quế Anh	12.3	
924	Trần Nguyễn Vân Anh	12.3	
925	Võ Thị Tú Anh	12.3	
926	Huỳnh Thị Hồng Cẩm	12.3	
927	Lê Kim Cương	12.3	
928	Lê Quốc Cường	12.3	
929	Phạm Thị Thùy Dung	12.3	
930	Nguyễn Thái Dương	12.3	
931	Võ Ngọc Ánh Dương	12.3	
932	Lê Ngọc Bảo Hân	12.3	
933	Võ Hà Bảo Hân	12.3	
934	Lê Minh Hiếu	12.3	
935	Nguyễn Tấn Học	12.3	
936	Võ Quốc Hưng	12.3	
937	Nguyễn Tiến Minh	12.3	
938	Nguyễn Tuyết Minh	12.3	
939	Trần Ngọc Phương Minh	12.3	
940	Trần Tiến Minh	12.3	
941	Phạm Nguyễn Như Ngọc	12.3	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
942	Nguyễn Thị Thanh Nhân	12.3	
943	Hồ Thụy Yến Nhi	12.3	
944	Trần Phúc Như	12.3	
945	Nguyễn Đình Bảo Phúc	12.3	
946	Giang Mẫn Quân	12.3	
947	Ngô Cường Thịnh	12.3	
948	Lê Thị Hoài Thương	12.3	
949	Nguyễn Thị Bảo Trâm	12.3	
950	Đỗ Minh Trí	12.3	
951	Trần Huỳnh Bảo Trinh	12.3	
952	Lê Nguyễn Giang Trường	12.3	
953	Phan Ngọc Tú	12.3	
954	Lê Triết Tuấn	12.3	
955	Trần Trọng Khánh An	12.4	
956	Trần Thị Tâm Anh	12.4	
957	Cao Gia Bảo	12.4	
958	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	12.4	
959	Phạm Như Bình	12.4	
960	Nguyễn Võ Bảo Châu	12.4	
961	Lưu Ngọc Dung	12.4	
962	Nguyễn Thị Ngọc Hà	12.4	
963	Văn Thị Vinh Hoa	12.4	
964	Trần Ngọc Huy	12.4	
965	Lê Nguyễn Anh Khoa	12.4	
966	Nguyễn Tuấn Kiệt	12.4	
967	Lê Thị Thiên Lý	12.4	
968	Bùi Phúc Minh	12.4	
969	Nguyễn Hoàng Phương Nam	12.4	
970	Lư Hoàng Như Ngọc	12.4	
971	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	12.4	
972	Phạm Bảo Ngọc	12.4	
973	Đặng Hoàng An Nguyên	12.4	
974	Trương Phạm Anh Nhi	12.4	
975	Lưu Thị Huỳnh Như	12.4	
976	Lê Trần Mai Phương	12.4	
977	Đỗ Vinh Quang	12.4	
978	Võ Thành Quân	12.4	
979	Đỗ Ngọc Song Quyền	12.4	
980	Đào Mỹ Quỳnh	12.4	
981	Nguyễn Phạm Vân Sơn	12.4	
982	Nguyễn Nhật Kim Thư	12.4	
983	Phạm Ngọc Thủy Tiên	12.4	
984	Nguyễn Ngọc Minh Tiến	12.4	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
985	Quách Hồng Nhã Trúc	12.4	
986	Võ Ngọc Thanh Trúc	12.4	
987	Võ Thị Kim Tuyền	12.4	
988	Phạm Quốc Vũ	12.4	
989	Nguyễn Ngọc Tú Vy	12.4	
990	Nguyễn Thị Phương Vy	12.4	
991	Nguyễn Đức An	12.5	
992	Nguyễn Thúy An	12.5	
993	Phạm Ngọc An	12.5	
994	Nguyễn Thúy Duy	12.5	
995	Nguyễn Tiến Đạt	12.5	
996	Võ Thanh Giang	12.5	
997	Trần Ngọc Hải	12.5	
998	Dương Thị Gia Hân	12.5	
999	Nguyễn Huy Hoàng	12.5	
1000	Nguyễn Thái Khang	12.5	
1001	Nguyễn Tuấn Khanh	12.5	
1002	Nguyễn Lê Minh Khôi	12.5	
1003	Nguyễn Thị Minh Khuê	12.5	
1004	Trần Thụy Thanh Kiều	12.5	
1005	Nguyễn Thị Bích Liên	12.5	
1006	Ngô Khả Linh	12.5	
1007	Phạm Thị Ngọc Lợi	12.5	
1008	Trương Đại Lợi	12.5	
1009	Lê Hoàng Thảo Ly	12.5	
1010	Đào Huỳnh Xuân Mai	12.5	
1011	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	12.5	
1012	Nguyễn Thị Thanh Nhân	12.5	
1013	Nguyễn Ngọc Nhi	12.5	
1014	Phan Ngọc Phát	12.5	
1015	Mai Hồng Phúc	12.5	
1016	Bùi Hữu Phước	12.5	
1017	Tạ Ngọc Mai Phương	12.5	
1018	Võ Thanh Thu Phương	12.5	
1019	Dương Nguyễn Như Quỳnh	12.5	
1020	Trần Nguyễn Như Quỳnh	12.5	
1021	Hồ Hữu Tài	12.5	
1022	Trần Trọng Thành	12.5	
1023	Lê Thị Thu Thảo	12.5	
1024	Nguyễn Trường Thịnh	12.5	
1025	Nguyễn Hoài Thọ	12.5	
1026	Phạm Văn Minh Thuận	12.5	
1027	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	12.5	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
1028	Nguyễn Ngọc Thuỳ Trâm	12.5	
1029	Nguyễn Minh Trí	12.5	
1030	Nguyễn Thanh Trí	12.5	
1031	Lý Minh Triết	12.5	
1032	Đặng Thị Thanh Trúc	12.5	
1033	Huỳnh Thanh Tuấn	12.5	
1034	Trần Minh Tuấn	12.5	
1035	Nguyễn Thanh Thảo Vy	12.5	
1036	Bùi Ngọc Bình An	12.6	
1037	Đặng Võ Duy Anh	12.6	
1038	Trần Ngọc Lâm Anh	12.6	
1039	Huỳnh Gia Bảo	12.6	
1040	Phạm Dương Gia Bảo	12.6	
1041	Mai Thanh Bằng	12.6	
1042	Nguyễn Hào Cảnh	12.6	
1043	Lâm Hồng Bảo Châu	12.6	
1044	Trần Hoàng Duy	12.6	
1045	Võ Thị Nguyệt Hằng	12.6	
1046	Lưu Phạm Gia Hân	12.6	
1047	Đoàn Thị Kim Hiền	12.6	
1048	Hồ Minh Hiếu	12.6	
1049	Trần Minh Huy	12.6	
1050	Nguyễn Đăng Khôi	12.6	
1051	Trần Tô Huỳnh Lam	12.6	
1052	Nguyễn Hoàng Bảo Lâm	12.6	
1053	Phạm Lê Gia Linh	12.6	
1054	Phan Nguyễn Gia Linh	12.6	
1055	Trần Hữu Nghĩa	12.6	
1056	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	12.6	
1057	Võ Hồng Ngọc	12.6	
1058	Hồ Trọng Nhân	12.6	
1059	Trần Trọng Nhân	12.6	
1060	Nguyễn Ngọc Uyển Nhi	12.6	
1061	Nguyễn Phương Nhi	12.6	
1062	Trần Thị Yến Nhi	12.6	
1063	Huỳnh Thanh Phong	12.6	
1064	Đặng Ngọc Hồng Phúc	12.6	
1065	Hồ Thanh Gia Phúc	12.6	
1066	Thái Đan Phương	12.6	
1067	Ngô Ngọc Trúc Quỳnh	12.6	
1068	Châu Ngọc Phương Thảo	12.6	
1069	Nguyễn Hữu Thắng	12.6	
1070	Lê Minh Thư	12.6	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
1071	Lê Thị Anh Thư	12.6	
1072	Ngô Thụy Thùy Trang	12.6	
1073	Trương Đức Trí	12.6	
1074	Đặng Thị Thanh Tuyền	12.6	
1075	Hồ Lê Kim Tuyền	12.6	
1076	Lê Thị Mộng Tuyền	12.6	
1077	Trần Cẩm Vân	12.6	
1078	Lê Hoàng Anh Vũ	12.6	
1079	Lê Ngọc Mỹ Yên	12.6	
1080	Nguyễn Phi Yến	12.6	
1081	Phan Lê Tuấn An	12.7	
1082	Lê Gia Bảo	12.7	
1083	Phạm Hồng Chương	12.7	
1084	Lê Đặng Minh Duy	12.7	
1085	Nguyễn Ngọc Phương Duy	12.7	
1086	Phạm Ngọc Phương Duy	12.7	
1087	Lê Thị Mỹ Dương	12.7	
1088	Nguyễn Hoàng Huy Đức	12.7	
1089	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	12.7	
1090	Nguyễn Thị Thu Hà	12.7	
1091	Nguyễn Đông Hào Hào	12.7	
1092	Trương Công Hiếu	12.7	
1093	Trà Minh Hoàng	12.7	
1094	Nguyễn Minh Khoa	12.7	
1095	Trần Thị Hoàng Kim	12.7	
1096	Trần Huỳnh Quốc Minh	12.7	
1097	Bành Thị Tuyết Ngân	12.7	
1098	Lê Mỹ Ngân	12.7	
1099	Nguyễn Thị Kim Ngân	12.7	
1100	Nguyễn Hoàng Gia Nghi	12.7	
1101	Nguyễn Hoàng Đông Nguyên	12.7	
1102	Huỳnh Trọng Nhân	12.7	
1103	Trần Thanh Nhân	12.7	
1104	Bùi Phạm Băng Nhi	12.7	
1105	Lâm Ngọc Vân Nhi	12.7	
1106	Trần Phạm Hồng Nhi	12.7	
1107	Nguyễn Tấn Phát	12.7	
1108	Tăng Nhật Phát	12.7	
1109	Nguyễn Hồng Quyên	12.7	
1110	Phạm Minh Sang	12.7	
1111	Nguyễn Lê Thảo Sương	12.7	
1112	Nguyễn Lý Tâm	12.7	
1113	Võ Hoàn Mỹ Tâm	12.7	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
1114	Trần Phú Thịnh	12.7	
1115	Nguyễn Văn Thơm	12.7	
1116	Đào Nguyễn Minh Thư	12.7	
1117	Huỳnh Vũ Minh Thư	12.7	
1118	Trần Thị Minh Thư	12.7	
1119	Quách Đoàn Thùy Trang	12.7	
1120	Châu Công Trọng	12.7	
1121	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	12.7	
1122	Võ Thị Thanh Trúc	12.7	
1123	Đặng Ngọc Thanh Vy	12.7	
1124	Nguyễn Võ Thảo Vy	12.7	
1125	Trần Thị Khánh Vy	12.7	
1126	Nguyễn Bình An	12.8	
1127	Nguyễn Đức Anh	12.8	
1128	Châu Nguyễn Hồng Anh	12.8	
1129	Trần Nguyễn Thái Bảo	12.8	
1130	Lê Thành Đức	12.8	
1131	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	12.8	
1132	Đỗ Thị Mỹ Duyên	12.8	
1133	Phạm Thành Khánh Giang	12.8	
1134	Võ Ngọc Gia Hân	12.8	
1135	Nguyễn Thị Gia Hân	12.8	
1136	Trương Nguyễn Thanh Hằng	12.8	
1137	Nguyễn Lê Thanh Hương	12.8	
1138	Lâm Nguyễn Xuân Hương	12.8	
1139	Đỗ Trần Sông Hương	12.8	
1140	Trần Thị Tuyết Hương	12.8	
1141	Nguyễn Lâm Nhựt Huy	12.8	
1142	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12.8	
1143	Nguyễn Hữu Minh	12.8	
1144	Phan Quang Minh	12.8	
1145	Nguyễn Hoàng Gia Diễm My	12.8	
1146	Võ Phú Mỹ	12.8	
1147	Võ Minh Nghĩa	12.8	
1148	Lê Thị Mỹ Ngọc	12.8	
1149	Bạch Mỹ Nhã	12.8	
1150	Nguyễn Yến Nhi	12.8	
1151	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12.8	
1152	Trương Ngọc Kiều Oanh	12.8	
1153	Ngô Minh Phong	12.8	
1154	Nguyễn Thị Nhã Phương	12.8	
1155	Nguyễn Thị Nguyệt Quế	12.8	
1156	Nguyễn Hồ Gia Quỳnh	12.8	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
1157	Lê Thành Tài	12.8	
1158	Huỳnh Trần Thị Hiếu Thảo	12.8	
1159	Nguyễn Đăng Khoa Thịnh	12.8	
1160	Nguyễn Thị Kim Thoa	12.8	
1161	Phan Thị Minh Thương	12.8	
1162	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	12.8	
1163	Bùi Trần Khánh Trung	12.8	
1164	Nguyễn Trung Trực	12.8	
1165	Trương Ngọc Cẩm Tú	12.8	
1166	Nguyễn Huỳnh Tuấn Tú	12.8	
1167	Nguyễn Ngọc Thái Tuấn	12.8	
1168	Nguyễn Trương Ngọc Thùy Vy	12.8	
1169	Nguyễn Thị Thảo Vy	12.8	
1170	Lương Trần Thảo Vy	12.8	
1171	Nguyễn Quỳnh Anh	12.9	
1172	Phạm Thị Ngọc Bích	12.9	
1173	Lê Thị Kim Diệu	12.9	
1174	Nguyễn Ngọc Đại	12.9	
1175	Từ Thị Thanh Hằng	12.9	
1176	Lê Thị Ngọc Hân	12.9	
1177	Nguyễn Văn Quý Hậu	12.9	
1178	Trần Thị Thanh Hiền	12.9	
1179	Vương Hoà Hiếu	12.9	
1180	Đỗ Thanh Hưng	12.9	
1181	Trần Hoàng Minh Kha	12.9	
1182	Võ Hoàng Ý Lam	12.9	
1183	Trần Khánh Linh	12.9	
1184	Nguyễn Phước Lộc	12.9	
1185	Nguyễn Thành Lộc	12.9	
1186	Võ Quốc Lợi	12.9	
1187	Bùi Thanh Mai	12.9	
1188	Võ Thị Xuân Mai	12.9	
1189	Dương Hoài Nam	12.9	
1190	Nguyễn Khánh Ngọc	12.9	
1191	Trương Ngọc Yến Nhi	12.9	
1192	Nguyễn Hoàng Tấn Phát	12.9	
1193	Lê Phương Hà Phúc	12.9	
1194	Dương Thị Mai Phương	12.9	
1195	Nguyễn Nhật Quang	12.9	
1196	Bùi Thanh Sang	12.9	
1197	Nguyễn Hồng Sơn	12.9	
1198	Dương Thanh Tài	12.9	
1199	Nguyễn Trọng Thành	12.9	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	GHI CHÚ
1200	Lê Tấn Minh Thiện	12.9	
1201	Võ Văn Thống	12.9	
1202	Phan Thị Mai Thương	12.9	
1203	Nguyễn Thị Quyền Trân	12.9	
1204	Phan Trần Bảo Trân	12.9	
1205	Trần Thị Quyền Trân	12.9	
1206	Võ Minh Trọng	12.9	
1207	Trần Cổ Minh Trung	12.9	
1208	Huỳnh Hồ Ngọc Bảo Tuyền	12.9	
1209	Lê Thị Thúy Vi	12.9	
1210	Nguyễn Thị Thảo Vy	12.9	
1211	Phạm Dương Yến Vy	12.9	
1212	Nguyễn Thị Kim Yến	12.9	
1213	Võ Thị Mộng Yến	12.9	

Tổng danh sách có 1.213 học sinh./.